

# **PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP XANH CỦA SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

## **ANALYSIS OF FACTORS AFFECTING STUDENTS' GREEN ENTREPRENEURIAL INTENTION IN HO CHI MINH CITY**

Ngày nhận bài: 02/05/2024

Ngày nhận bản sửa: 30/11/2024

Ngày chấp nhận đăng: 28/01/2025

*Nguyễn Ngọc Thanh Trúc, Trần Thị Phương Thủy, Dương Thế Duy* ✉

### **TÓM TẮT**

Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định các yếu tố tác động đến khởi nghiệp xanh của sinh viên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Thực hiện nghiên cứu định lượng với 254 mẫu được điều tra bằng bảng hỏi google form thông qua nền tảng Facebook, LinkedIn để tiếp cận đối tượng khảo sát. Nghiên cứu đã tiến hành phân tích EFA và phân tích hồi quy. Kết quả cho thấy các yếu tố Tính chủ động, Sự tin tưởng, Mức độ ngại rủi ro, Nhu cầu đạt được thành tích, Hỗ trợ giáo dục đại học, Môi trường khởi nghiệp xanh có tác động đến ý định khởi nghiệp xanh. Ngoài ra nghiên cứu cũng đã đưa ra một số khuyến nghị nhằm tăng cường hỗ trợ ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa:** Ý định; Khởi nghiệp xanh; Sinh viên.

### **ABSTRACT**

The study was conducted to determine the factors affecting green entrepreneurial intention of students in Ho Chi Minh City. The quantitative research method was employed with 254 samples using a Googleform questionnaire through Facebook, LinkedIn, Zalo, etc. to approach the respondents. The study utilized Exploratory Factor Analysis (EFA) and regression analysis via SPSS 25.0. The findings of this study indicate that Proactivity, Trust, Risk aversion, Need for achievement, Support from university, Green startup environment significantly influence green entrepreneurial intention. Further, the study also provides several recommendations to enhance support for green entrepreneurial intention of students in Ho Chi Minh City.

**Keywords:** Intention; Green entrepreneurship; Student.

## **1. Giới thiệu**

Trong bối cảnh trì trệ kinh tế hậu đại dịch toàn cầu, các doanh nghiệp phải tăng tốc để có được lợi thế cạnh tranh và điều này vô hình trung đã hủy hoại thiên nhiên bởi các hoạt động sản xuất gây ô nhiễm (Nguyen và cộng sự, 2022). Hơn nữa, cuộc sống của các thế hệ tương lai sẽ bị ảnh hưởng bởi vô số khủng hoảng về kinh tế và môi trường của xã hội hiện tại (Anghel và Anghel, 2022). Vấn đề quan trọng nhất là bảo vệ môi trường và phục hồi cho những thế hệ kế tiếp (Ghodbane và Alwehabie, 2023). Bảo vệ môi trường trên toàn thế giới đã thu hút được sự quan tâm rộng rãi của giới học thuật và doanh nghiệp xanh được

coi là giải pháp cho thử thách này (Hall và cộng sự 2010; Demirel và cộng sự, 2019). Khởi nghiệp xanh đang dần là một hướng đi phổ biến cho các doanh nhân ưu tiên duy trì môi trường bền vững. Nhận thức về sự cần thiết để giảm tác động đến môi trường ngày càng sâu sắc, vì vậy, khởi nghiệp xanh là một lựa chọn vô cùng hấp dẫn với các doanh nhân.

---

Nguyễn Ngọc Thanh Trúc, Trường Đại học Ngoại thương - Cơ sở 2 TP.HCM  
Trần Thị Phương Thủy, Học viện Hàng không Việt Nam  
Dương Thế Duy, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM  
✉Email: duydt@hufit.edu.vn

Ngoài ra, bởi vì tài nguyên thiên nhiên dần bị bào mòn nặng nề nên làn sóng tiêu dùng xanh đã lan rộng toàn cầu. Xu hướng tiêu dùng thay đổi, mọi người có xu hướng chọn những sản phẩm thân thiện với môi trường. Người tiêu dùng trở thành người tiêu dùng xanh, hướng tới sản phẩm không chỉ được coi là tiết kiệm mà còn cân nhắc những gì họ cho là an toàn, chất lượng và không gây ô nhiễm. Gần 25% cá nhân trên toàn cầu tham gia khảo sát sẵn sàng bỏ ra nhiều tiền hơn để mua các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường (Nielsen, 2021). Để cân bằng tình hình cung – cầu, đòi hỏi song hành với tiêu dùng xanh là vấn đề tất yếu của việc sản xuất xanh (Mai Thanh Lan và cộng sự, 2023). Vì thế, xu hướng thúc đẩy các dự án khởi nghiệp xanh đã tăng nhanh trên toàn thế giới, đặt ra một vấn đề vô cùng cấp thiết mà các quốc gia phải cùng nhau đối mặt.

Việt Nam cũng nằm trong dòng chảy của thời đại về bảo vệ môi trường. Sự biến đổi về khí hậu có thể khiến cho Việt Nam thiệt hại 15 tỷ đồng mỗi năm, tương đương với 5% GDP và con số này được ước tính sẽ tăng đến 10% GDP nếu Việt Nam không có những biện pháp ứng biến kịp thời (Mai Thanh Lan và cộng sự, 2023). Hơn nữa, tại Hội nghị Thượng đỉnh khí hậu COP26 diễn ra ở Glasgow (Scotland), Việt Nam cùng với nhiều quốc gia đã cùng cam kết đạt mức phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào năm 2050. Trong bối cảnh này, các doanh nghiệp xanh là những nhân tố vô cùng thiết yếu để góp phần hiện thực hoá cam kết.

Khởi nghiệp xanh đã và đang được các quốc gia trên thế giới quan tâm rất nhiều. Thực vậy, gần 80% nhà đầu tư toàn cầu cân nhắc đầu tư vào các công ty tập trung đến tác động môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Doanh nghiệp khởi nghiệp xanh đang là tiêu điểm thu hút đầu tư (Mạng lưới kiểm toán toàn cầu PwC, 2022). Nguồn vốn đầu tư cho khởi nghiệp xanh có xu hướng tăng liên tiếp ở

Việt Nam. So với khởi nghiệp lĩnh vực khác, khởi nghiệp xanh có ưu thế sở hữu các dòng tài trợ vững chắc từ chính phủ, tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế, lẫn các chương trình CSR của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn... (Viện Nghiên cứu quản lý phát triển bền vững, 2023).

Trong khi đó, sinh viên chính là nguồn nhân lực quan trọng và lý tưởng để tạo ra những dự án khởi nghiệp xanh vì đối tượng này có cả kiến thức lẫn kỹ năng để bắt đầu xây dựng doanh nghiệp. *Đầu tiên*, lý do lớn nhất là sự đóng góp về nền tảng vững chắc của nguồn nhân lực từ các cơ sở giáo dục đại học cho nền kinh tế (Kohoutek và cộng sự, 2017). Những đóng góp từ các trường đại học là thiết yếu vì vai trò chính của các cơ sở này là cung cấp kiến thức mới, thúc đẩy những sáng kiến giải quyết những thách thức toàn cầu, chẳng hạn như bảo vệ môi trường, tài nguyên, chăm sóc sức khỏe, quan hệ quốc tế và phát triển quốc gia. Ngoài ra, giáo dục đại học được xem là đối tác bền vững của nền kinh tế tri thức. Vì có thể cung cấp nguồn tài nguyên học thuật và những thông tin cập nhật nhất từ các nghiên cứu toàn cầu, các trường đại học giúp đào tạo thế hệ tương lai đồng thời hỗ trợ cho những đổi mới của ngày hôm nay (Klofsten và cộng sự, 2019). Việc giảng dạy về học thuật và đào tạo kỹ năng giúp các cá nhân hình thành nền tảng để thành công trong nền kinh tế tri thức. Hơn nữa, các nghiên cứu trước đây mô tả tác động tích cực của các cơ sở giáo dục đại học đối với sự phát triển bền vững (Findler và cộng sự, 2019). Một số tác giả còn nhấn mạnh sự đóng góp quan trọng của những cơ sở giáo dục trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên (Thurston và Eckelman, 2011; Chen và cộng sự, 2016). *Thứ hai*, sinh viên đang ở giai đoạn quyết định về tương lai của mình rằng liệu họ sẽ bắt đầu một công việc như một nhân viên hay thành lập một doanh nghiệp. Việc sớm định hướng nghề nghiệp và tạo thuận lợi cho sinh

viên tiếp cận đúng các phương pháp và kế hoạch học tập sẽ thúc đẩy lộ trình thăng tiến trong công việc và mức độ chuyên sâu của năng lực. Vì vậy, đây là giai đoạn quan trọng để kết hợp những giá trị nhất định và rèn luyện sinh viên chuẩn bị hành trang cho tương lai.

Hiểu được những yếu tố tác động đến ý định của sinh viên không những giúp thế hệ này sớm có những điều chỉnh phù hợp mà còn có thể giúp quốc gia tận dụng nguồn lực sẵn có để phát triển một tương lai “xanh” hơn (Ali và cộng sự, 2023). Vì vậy, nghiên cứu các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nhằm gia tăng ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên.

## 2. Cơ sở lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu

### 2.1. Các khái niệm liên quan

#### 2.1.1. Khái niệm khởi nghiệp xanh

Theo Lotfi và cộng sự (2018), khởi nghiệp xanh là sự tích hợp giữa các lợi ích kinh doanh, môi trường và xã hội trong kinh doanh để đạt được khả năng cạnh tranh vượt trội. Khởi nghiệp xanh là cách để các doanh nhân khởi nghiệp vừa giải quyết những thách thức của môi trường mà thế giới đang phải đối mặt vừa để tự tạo những cơ hội kinh tế cho bản thân và cộng đồng (Ali và cộng sự, 2023). Một công trình nghiên cứu khác gần đây cũng viết về sự kết hợp giữa kinh doanh và môi trường này. Theo nghiên cứu về khung lý thuyết của khởi nghiệp xanh và phát triển bền vững (Gupta và Dharwal, 2022), khởi nghiệp xanh kết hợp tinh thần kinh doanh với sự đề cao tính bền vững và xu thế xanh. Do đó, khởi nghiệp xanh đã góp phần biến các công ty thương mại thuần túy trở thành tổ chức kinh doanh vì cộng đồng nhằm bảo tồn và duy trì môi trường. Nghiên cứu sẽ tiếp nhận khái niệm khởi nghiệp xanh là việc một doanh nghiệp thu lợi ích kinh doanh dựa trên

việc hình thành những sản phẩm, công nghệ góp phần duy trì và bảo tồn môi trường, tạo nên những tác động tích cực đến môi trường và xã hội.

#### 2.1.2. Ý định khởi nghiệp xanh

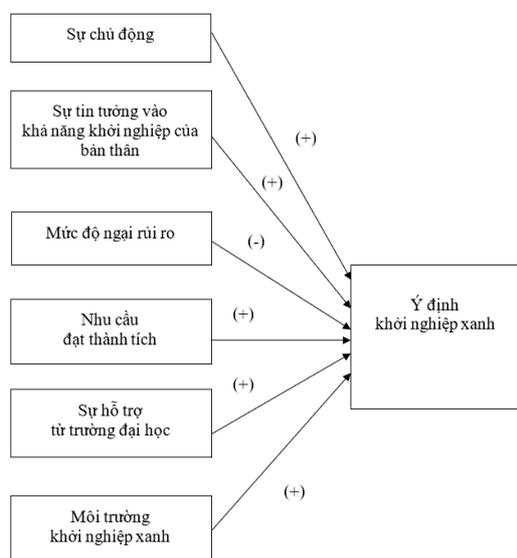
Ý định khởi nghiệp xanh là sự phối hợp nhận thức về tác động môi trường và mô hình kinh doanh, là cơ sở thiết yếu trong quá trình tái định hướng xã hội đến gần hơn với tăng trưởng xanh (Gibbs và O'Neill, 2014). Ý định khởi nghiệp xanh là mong muốn bằng một phương thức sáng tạo, một mô hình kinh doanh mới đạt mục đích cuối cùng là tận dụng các nguồn lực để đầu tư vào nghiên cứu những sản phẩm, dịch vụ mang tính bền vững, đảm bảo sự an toàn đối với môi trường cũng như đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng toàn thế giới (Richomme-Huet và Freyman, 2014). Tinh thần khởi nghiệp xanh được xem như giải pháp cho vấn nạn suy giảm chất lượng môi trường sống, được gắn kết chặt chẽ cùng các hoạt động kinh tế bền vững.

### 2.2. Mô hình nghiên cứu đề xuất và các giả thuyết nghiên cứu

#### 2.2.1. Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu đã kế thừa và phát triển mở rộng các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp xanh từ các nghiên cứu trước đó. Cụ thể, (1) nhóm nhân tố về đặc điểm tính cách được kế thừa từ Fishbein và Ajzen (1975), Karabulut (2016), Salmony và Kanbach (2021); (2) Cảm nhận khát vọng trong mô hình SEE (Shapero và Sokol, 1982); (3) Tiếp theo là 02 yếu tố bên ngoài có thể tác động đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên, cụ thể là sự hỗ trợ từ trường đại học và môi trường khởi nghiệp xanh. Trong mô hình lý thuyết hành vi dự định TPB, Nhận thức kiểm soát hành vi được đề cập như sự nhận thức của một người về mức độ khả thi của một hành vi dựa trên cơ sở các nguồn lực sẵn có,

điều này đồng nghĩa với việc cá nhân nếu nhận thấy được các điều kiện thuận lợi hỗ trợ họ, làm tăng tính khả thi của việc thực hiện hành vi thì họ có khả năng cao hơn sẽ hình thành ý định thực hiện hành vi đó (Bandura, 1986). Ngoài ra, Cảm nhận tính khả thi trong mô hình khởi nghiệp SEE (Shapero và Sokol, 1982) cũng đề cập đến cảm nhận của một cá nhân rằng một hành động có khả năng thực hiện thành công hay không dựa trên những điều kiện mà họ tiếp nhận được. Vì thế, hai biến Sự hỗ trợ từ trường đại học và Môi trường khởi nghiệp xanh được đưa vào mô hình nghiên cứu đề xuất (Hình 1).



Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

### 2.2.2. Giả thuyết nghiên cứu

#### a) Tính chủ động

Tính chủ động là một đặc điểm tính cách, đề cập đến khả năng của một cá nhân hoạt động một cách tích cực, sáng tạo và định hướng mục tiêu trong việc tạo ra cơ hội mới. Tính chủ động thường được coi là một nhân tố ảnh hưởng tích cực đáng kể đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên (Qazi và cộng sự, 2020). Họ không sợ thất bại và sẵn lòng học hỏi từ những trở ngại để phát triển và thành công (Brandstatter, 2011). Mặt khác,

Mustafa và cộng sự (2016) chỉ ra rằng sinh viên có tính chủ động cao thường có khả năng sáng tạo, tìm ra giải pháp mới và đưa ra các quyết định quan trọng. Do đó, tính chủ động giúp một cá nhân không chỉ nắm bắt cơ hội mà còn tạo dựng giá trị đột phá cho doanh nghiệp của mình. Các nhà nghiên cứu đã nghiên cứu mối quan hệ giữa tính cách chủ động và ý định khởi nghiệp và kết quả cho thấy những người có đặc điểm này có khả năng trở thành doanh nhân (Prabhu và cộng sự, 2012; Mustafa và cộng sự, 2016; Qazi và cộng sự, 2020). Vì vậy, những sinh viên có đặc điểm này cũng sẽ thể hiện thái độ tích cực về việc bảo vệ môi trường và có tiềm năng sẽ đóng góp những mô hình khởi nghiệp xanh. Do đó, nghiên cứu đưa ra giả thuyết như sau:

*H1. Tính chủ động có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.*

#### b) Sự tin tưởng vào năng lực khởi nghiệp của bản thân

Niềm tin của một cá nhân về khả năng đạt được thành công và khả năng thực hiện các hành vi mục tiêu được gọi là “năng lực bản thân” (Krueger và cộng sự, 2000). Trevelyan (2009) lập luận rằng những người có niềm tin vào bản thân ở mức độ cao sẽ không dễ dàng từ bỏ mặc dù biết rằng mình có nguồn lực hạn chế và phải đối mặt với nhiều sự không chắc chắn. Các nghiên cứu trước đây đã nghiên cứu mối liên hệ giữa năng lực bản thân và ý định khởi nghiệp (Fuller và cộng sự, 2018; Doanh và Bernat, 2019; Nowinski và cộng sự, 2019; Hsu và cộng sự, 2019). Shi và cộng sự (2019) cho rằng người tin tưởng vào năng lực bản thân có nhiều khả năng bắt đầu kinh doanh hơn. Vì vậy, sự tự tin và tư duy tích cực của sinh viên là động lực khiến họ trở thành doanh nhân. Nếu sinh viên không tin vào khả năng và kỹ năng của mình thì điều đó sẽ làm họ nản và không đủ ý chí để khởi nghiệp. Ngoài ra, Shi và cộng sự (2019) tuyên

bổ rằng năng lực bản thân của sinh viên ảnh hưởng trực tiếp đến ý định khởi nghiệp của họ dù lĩnh vực học tập của họ là gì. Do đó, giả thuyết nghiên cứu sau được hình thành:

*H2. Sự tin tưởng vào năng lực khởi nghiệp của bản thân có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.*

#### c) Mức độ ngại rủi ro

Hambock và cộng sự (2017) và Oliver và Velji (2019) cho rằng nhiều doanh nhân thành công không phải là người chấp nhận rủi ro và sẵn sàng khởi nghiệp vì lợi ích của mình. Hơn nữa, điều kiện kinh tế buộc mọi người phải làm việc và cũng bắt đầu kinh doanh để họ có thể có thu nhập (Riepe và cộng sự, 2020). Trong phạm vi lĩnh vực ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên, mức độ ngại rủi ro đề cập đến khả năng và sự sẵn sàng để đối mặt và quản trị rủi ro trong khởi nghiệp xanh (Qazi và cộng sự, 2020). Chỉ có những cá nhân lo ngại rủi ro ở mức độ thấp mới không sợ đầu tư vào các dự án mang tính không chắc chắn. Họ sẵn sàng dành thời gian, công sức và tài chính vào các dự án có mức độ rủi ro tuy cao nhưng mang lại tiềm năng lợi nhuận và tác động tích cực lớn đến môi trường. Ngoài ra, những người bắt đầu kinh doanh có năng lực chịu đựng rủi ro cao hơn (Zhang và Cain, 2017). Vì vậy, giả thuyết như sau:

*H3. Mức độ ngại rủi ro có tác động tiêu cực đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.*

#### d) Nhu cầu đạt thành tích

Nhu cầu đạt được thành tích là đặc điểm quan trọng nhất của tính cách con người (Elali và Al-Yacoub, 2016). Một số nghiên cứu khác như Karabulut (2016), Çolakoglu và Gozukara (2016), Chaudhary (2017), Matlay (2019) xem xét đặc điểm tính cách và đặc biệt nhắm vào đặc điểm về nhu cầu đạt thành tích khi tiến hành phân tích ý định khởi nghiệp. Kết quả cho thấy sự háo hức về một tương lai

thành công đã thúc đẩy ý định đó. Do đó, những người có đặc điểm này thường nhận được nhiều thành công trong cùng lĩnh vực hơn. Hơn nữa, nếu một người muốn cạnh tranh, họ sẽ đóng góp tích cực và hiệu suất hơn vào quá trình kinh doanh. Khi họ nhận được giáo dục và đào tạo phù hợp, điều đó sẽ kích thích mọi người coi khởi nghiệp kinh doanh như một con đường sự nghiệp của mình (Bhardwaj, 2014). Tương tự như vậy, tương lai tất cả đều xoay quanh các chiến lược xanh và hoạt động kinh doanh xanh để trái đất có thể được bảo vệ khỏi những thiệt hại nghiêm trọng. Vì vậy, đặc điểm này là quan trọng trong thời đại hiện nay trong việc thúc đẩy sinh viên theo đuổi những ý tưởng đổi mới để thành công trong tương lai. Vì thế, những sinh viên có nhu cầu về việc theo đuổi thành tích sẽ coi doanh nghiệp xanh là một lĩnh vực mới nổi và đáng dấn thân. Giả thuyết như sau:

*H4. Nhu cầu đạt được thành tích có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.*

#### e) Sự hỗ trợ từ trường Đại học

Các nhà nghiên cứu cũng tiết lộ rằng đôi khi sinh viên sẵn sàng trở thành doanh nhân nhưng vì thiếu sự hỗ trợ và nguồn lực nên họ không theo đuổi sự nghiệp đó (Liguori và cộng sự, 2019; Asante và Affum-Osei, 2019). Hỗ trợ giáo dục bao gồm kiến thức, kỹ năng, mạng lưới quan hệ và cơ hội từ trường đại học của sinh viên (Saeed và cộng sự, 2015). Theo các nghiên cứu trên, những sự hỗ trợ này có ý nghĩa ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp xanh. Qazi và cộng sự (2020) cho rằng các trường đại học còn nên nhấn mạnh tinh thần khởi nghiệp xanh trong các chương trình hỗ trợ giáo dục. Điều này sẽ tạo ra một môi trường học thuật về lĩnh vực khởi nghiệp xanh, cung cấp cho sinh viên không những về năng lực và kiến thức chuyên môn kinh doanh cần thiết mà còn về tinh thần và thái độ của

một doanh nhân xanh. Hơn nữa, các trường đại học đang có ảnh hưởng tích cực đến khởi nghiệp xanh bằng cách truyền đạt các mục tiêu kinh doanh xanh, và các cơ sở giáo dục này sẽ góp phần quan trọng trong việc chuyển đổi ý định khởi nghiệp xanh thành một doanh nghiệp khởi nghiệp xanh thành công trong thực tế (Xu và cộng sự, 2022). Vì thế, đề xuất giả thuyết sau:

*H5. Hỗ trợ giáo dục đại học hướng tới khởi nghiệp xanh có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.*

#### f) Môi trường khởi nghiệp xanh

Môi trường khởi nghiệp xanh đề cập đến những yếu tố về khả năng tiếp cận các nguồn lực tài chính; các chính sách hỗ trợ về pháp lý của Chính phủ; đào tạo về khởi nghiệp xanh, hỗ trợ tư vấn từ các tổ chức phi Chính phủ; sự hỗ trợ tiếp cận thị trường, cùng các văn hóa thúc đẩy ý định khởi nghiệp xanh (Ambad và Damit, 2016; Mai Thanh Lan và cộng sự, 2023). Về tiếp cận thị trường, môi trường khởi nghiệp xanh cung cấp cơ hội để các doanh nghiệp xanh tiếp cận thị trường một cách dễ dàng hơn. Các mối quan hệ, mạng lưới đối tác, sự ủng hộ và chào đón của khách hàng cũng là những yếu tố tạo điều kiện nảy sinh và phát triển ý định khởi nghiệp xanh. Do đó, từ những phân tích trên, nghiên cứu đề xuất giả thuyết như sau:

*H7. Môi trường khởi nghiệp xanh có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.*

#### 2.2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập mẫu thuận tiện (Islam and Hussain, 2022). Các bản câu hỏi khảo sát được gửi dưới hình thức Google Forms, thông qua các nền tảng mạng xã hội trực tuyến là Facebook, LinkedIn để tiếp cận đối tượng khảo sát. Đối tượng khảo sát được tiếp cận điều tra là sinh viên tại TP.HCM vào thời gian tháng 9 đến 11/2023.

Xét về phương pháp chọn cỡ mẫu, bài nghiên cứu vận dụng kết hợp nhiều kỹ thuật xử lý thì sẽ lấy kích thước mẫu cần thiết lớn nhất trong các phương pháp. Bài nghiên cứu đã tiến hành phân tích EFA và phân tích hồi quy. Phân tích EFA thường đòi hỏi một kích thước mẫu lớn hơn đáng kể so với phân tích hồi quy, vì vậy nghiên cứu sử dụng công thức tính kích thước mẫu tối thiểu cho EFA làm công thức tính kích thước mẫu cho toàn bộ nghiên cứu.

Theo Hair và cộng sự (1998), kích thước mẫu nhỏ nhất để phân tích nhân tố khám phá EFA là gấp năm lần số biến quan sát của mô hình ( $S=5*m$ ). Trong bài nghiên cứu, bảng khảo sát có 30 câu hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ (tương ứng với 30 biến quan sát thuộc các nhân tố khác nhau), 30 câu này được đưa vào xử lý trong một lần EFA. Với tỷ lệ 5:1 thì số mẫu tối thiểu bài nghiên cứu cần đạt được là 150 mẫu. Để hạn chế các vấn đề về sai số cũng như độ tin cậy, bài nghiên cứu đã thu được khoảng 254 câu trả lời đáp ứng được điều kiện về mẫu theo các kỹ thuật phân tích được áp dụng trong bài.

#### 2.2.4. Quy trình nghiên cứu

Dựa trên một số khung lý thuyết liên quan và mô hình nghiên cứu thực nghiệm trước đây để xây dựng mô hình nghiên cứu và thang đo. Sau đó, chỉnh sửa mô hình và thang đo sau khi phỏng vấn chuyên gia.

Nhóm tác giả tạo bản hỏi, biểu mẫu khảo sát và thu thập dữ liệu nghiên cứu, dùng thang đo Likert 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (hoàn toàn đồng ý) để đo lường các biến số. Sau đó làm sạch dữ liệu bằng cách loại bỏ những kết quả khảo sát không có độ tin cậy, tiến hành kiểm định Cronbach's Alpha và phân tích EFA bằng IBM SPSS Statistics. Cuối cùng, tác giả chạy hồi quy và phân tích kết quả, từ đó đưa ra các khuyến nghị cho các đối tượng liên quan.

### 3. Kết quả và đánh giá

#### 3.1. Thống kê mô tả

Về giới tính, tỷ lệ phản hồi của nam và nữ lần lượt là 67,7% và 32,3%, tỷ lệ này đồng đều tương đối nhưng có hướng nghiêng về nam nhiều hơn so với nữ. Sự phân bố giới tính của nam và nữ tham gia khảo sát thể hiện một cách hợp lý tính khách quan của mẫu vì trên thực tế nữ giới khởi nghiệp vẫn còn ít hơn nam giới tuy tỉ lệ này đang ngày càng tăng.

Về độ tuổi, trong phạm vi độ tuổi của sinh viên, người trả lời từ 18 - 20 tuổi chiếm 15,4% trong khi tỷ lệ này là 34,3% cho số người trả lời từ 21-23 tuổi và là 50,4% đối với sinh viên 24 tuổi trở lên.

Về trình độ học vấn, phần lớn người được hỏi là sinh viên có trình độ Đại học, chiếm 82,3%, còn lại là những đáp viên theo học Cao đẳng, trung cấp, học nghề hoặc trình độ tương đương. Vì vậy, đối tượng khảo sát nhìn chung có trình độ học vấn cao.

#### 3.2. Kết quả phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha

Ở bước này, nghiên cứu chủ yếu phân tích hai giá trị là Cronbach's Alpha và Hệ số tương quan biến - tổng. Sau khi phân tích kiểm định Cronbach's Alpha cho 07 biến (06 biến độc lập và 01 biến phụ thuộc). Kết quả phân tích cho thấy tất cả biến độc lập và biến phụ thuộc đều có độ tin cậy cao và đủ điều kiện để tiến hành bước phân tích tiếp theo là phân tích EFA vì cả 07 biến đều có hệ số Cronbach's Alpha > 0,7 và Hệ số tương quan biến - tổng > 0,3.

#### 3.3. Kết quả phân tích hồi quy

##### 3.3.1. Kiểm định mô hình nghiên cứu

Ở bước phân tích tiếp theo, tiến hành đánh giá và lượng hoá mức độ ảnh hưởng của các biến độc lập lên ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, phương trình hồi quy bội có

dạng như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1*PRO + \beta_2*ESE + \beta_3*RA + \beta_4*NA + \beta_5*US + \beta_6*GSE + e$$

Kiểm định tổng quát mô hình thu được kết quả tại Bảng 1:

Bảng 1. Kết quả kiểm định mô hình tổng quan

R <sup>2</sup>	R <sup>2</sup> hiệu chỉnh	Durbin-Watson	Kiểm định F	Giá trị Sig. của kiểm định F
0,539	0,528	2,118	48,117	0,000

Nguồn: Tổng hợp từ phần mềm SPSS 25

Hệ số R<sup>2</sup> chỉ ra phần trăm sự thay đổi của biến phụ thuộc có thể được giải thích bằng các biến độc lập. Hơn nữa, hệ số R<sup>2</sup> được sử dụng để đánh giá sự phù hợp của mô hình nghiên cứu. Với R<sup>2</sup> hiệu chỉnh bằng 0,528, mô hình gồm 06 nhân tố độc lập giải thích được 52,8% độ biến thiên của biến phụ thuộc; 47,2% còn lại là do sai số ngẫu nhiên hoặc được giải thích bởi các biến độc lập khác chưa được đưa vào mô hình. Giá trị Durbin-Watson là 2,118 (thuộc khoảng từ 1,5 đến 2,5) cho thấy kết quả không vi phạm giả định tự tương quan chuỗi bậc nhất (Yahua Qiao, 2011).

Tiếp theo, xác định xem mô hình hồi quy tuyến tính có phù hợp và có thể khái quát hóa cho tổng thể hay không bằng cách xem xét giá trị Sig. của kiểm định F. Theo đó, đánh giá xem biến phụ thuộc có liên quan hoặc tương quan với các biến độc lập hay không. Theo kết quả kiểm định, Sig. của F là 0,000 < 0,05 nên mô hình hồi quy tuyến tính bội phù hợp với tập dữ liệu và có thể áp dụng được để nghiên cứu tổng thể.

##### 3.3.2. Kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Tác giả xác định mức độ ảnh hưởng và chiều ảnh hưởng của từng biến độc lập đến biến phụ thuộc bằng cách sử dụng phương pháp hồi quy để xác định các hệ số  $\beta_i$  của phương trình hồi quy được trình bày ở trên.

Theo kết quả hồi quy Bảng 2, tất cả các biến độc lập đồng thời có mối quan hệ tác động với biến phụ thuộc ở mức ý nghĩa thống kê 95% (Giá trị Sig. đều nhỏ hơn 0,05). Hơn nữa, hệ số  $\beta$  của biến RA nhỏ hơn 0 có nghĩa là có 01 biến độc lập tác động tiêu cực đến biến phụ thuộc, còn lại 05 biến tác động thuận chiều. Mức độ tác động giảm dần theo thứ tự

lần lượt như sau: Sự hỗ trợ từ trường đại học (hệ số chuẩn hoá  $\beta = 0,284$ ), Mức độ ngại rủi ro (hệ số chuẩn hoá  $\beta = -0,264$ ), Sự chủ động (hệ số chuẩn hoá  $\beta = 0,200$ ), Sự tin tưởng vào năng lực khởi nghiệp của bản thân (hệ số chuẩn hoá  $\beta = 0,153$ ), Nhu cầu đạt thành tích (hệ số chuẩn hoá  $\beta = 0,124$ ), Môi trường khởi nghiệp xanh (hệ số chuẩn hoá  $\beta = 0,107$ ).

Bảng 2. Kết quả phân tích hồi quy và đa cộng tuyến

	Hệ số chưa chuẩn hoá		Hệ số đã chuẩn hoá	t	Sig.	Đa cộng tuyến	
	B	Std. Error	Beta			Dung sai	VIF
Hằng số	1,583	0,486		3,256	0,001		
PRO	0,214	0,059	0,200	3,642	0,000	0,621	1,610
ESE	0,172	0,057	0,153	3,016	0,003	0,724	1,381
RA	-0,282	0,055	-0,264	-5,155	0,000	0,710	1,408
NA	0,148	0,053	0,124	2,767	0,006	0,928	1,078
US	0,289	0,053	0,284	5,490	0,000	0,698	1,432
GSE	0,118	0,049	0,107	2,426	0,016	0,968	1,033

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ phần mềm SPSS 25

Ngoài ra, hệ số VIF của tất cả các biến đều  $< 2$ , nên không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra, các biến độc lập tác động đến biến phụ thuộc đều có ý nghĩa thống kê.

Vì thế, phương trình hồi quy chuẩn hoá của mô hình là:

$$Y = 0,2*PRO + 0,153*ESE - 0,264*RA + 0,124*NA + 0,284*US + 0,107*GSE + e$$

Vậy nên, tất cả các giả thuyết sau khi kiểm định đều được chấp nhận với độ tin cậy 95% vì có Sig.  $< 0,05$ .

Kết quả kiểm định các giả thuyết của nghiên cứu được tóm tắt dưới Bảng 3. 06 giả thuyết đều được chấp nhận vì đều có Sig.  $< 0,05$ .

Bảng 3. Tổng hợp kết quả kiểm định giả thuyết

Giả thuyết	Nội dung	Beta	Sig.	Kết quả
H1	Tính chủ động có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	0,213	0,000	Chấp nhận
H2	Sự tin tưởng vào năng lực khởi nghiệp của bản thân có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	0,142	0,005	Chấp nhận

<b>H3</b>	Mức độ ngại rủi ro có tác động tiêu cực đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	-0,237	0,000	Chấp nhận
<b>H4</b>	Nhu cầu đạt được thành tích có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	0,095	0,036	Chấp nhận
<b>H5</b>	Hỗ trợ giáo dục đại học hướng tới khởi nghiệp xanh có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	0,215	0,000	Chấp nhận
<b>H6</b>	Môi trường khởi nghiệp xanh có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	0,098	0,024	Chấp nhận

*Nguồn: Tổng hợp từ phần mềm SPSS 25*

### 3.3.3. Kiểm định sự khác biệt theo độ tuổi

Bảng 4. Kiểm định Levene biến độ tuổi

Kiểm định Levene	df1	df2	Sig.
1,452	2	251	0,236

*Nguồn: Tính toán từ SPSS 25*

Bảng 5. Kiểm định ANOVA biến độ tuổi

		Tổng bình phương	df	Trung bình bình phương	F	Sig.
GEI	Giữa các nhóm	1,101	2	0,551	1,373	0,255
	Trong cùng nhóm	100,688	251	0,401		
	Tổng	101,789	253			

*Nguồn: Tính toán từ SPSS 25*

Giá trị Sig. của kiểm định Levene = 1,452, lớn hơn 0,05, phương sai giữa các nhóm độ tuổi là đồng nhất, tác giả thực hiện kiểm định ANOVA.

Theo kết quả kiểm định ANOVA, giá trị Sig. = 0,255, lớn hơn 0,05. Từ đó, tác giả kết

luận: Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ý định khởi nghiệp xanh giữa sinh viên có độ tuổi khác nhau. Điều này có nghĩa là yếu tố độ tuổi không ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên.

### 3.4. Thảo luận kết quả nghiên cứu

#### 3.4.1. Sự chủ động

Đặc điểm tính cách về sự chủ động có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp với hệ số hệ số chuẩn hoá  $\beta = 0,2$ . Kết quả của nghiên cứu hiện tại tương tự với các nghiên cứu trước đây (Brandstatter, 2011; Mustafa và cộng sự, 2016; Wang và cộng sự, 2016; Zisser và cộng sự, 2019; Munir và cộng sự, 2019; Qazi và cộng sự, 2020). Những cá nhân có tính cách chủ động thường xác định cơ hội, đưa ra sáng kiến và có định hướng hành động. Vì vậy, những người như vậy có nhiều khả năng sẽ khởi nghiệp xanh hơn vì những người có thái độ chủ động rất đam mê nắm bắt cơ hội (Neneh, 2019). Hơn nữa, những cá nhân chủ động có mong muốn trở thành lãnh đạo doanh nghiệp để tạo ra giá trị không những cho công ty mà còn giúp cải thiện xã hội, môi trường.

Tương tự như vậy, những sinh viên có đặc điểm tính cách chủ động coi việc bảo vệ môi trường là rất quan trọng nên họ có động lực hướng tới khởi nghiệp xanh. Họ có thể mang lại những thay đổi bằng cách cung cấp các giải pháp sáng tạo và phương pháp thực nghiệm mới. Những sinh viên có tính cách chủ động thường rất tự tin, sáng tạo, tích cực và tập trung vào mục tiêu. Ngoài ra, những sinh viên như vậy sẵn sàng tiếp nhận những điều mới để khác biệt với những sinh viên khác; do đó, họ xem việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm của họ và điều đó sẽ thúc đẩy ý định và tinh thần khởi nghiệp xanh.

Thật vậy, ở thành phố Hồ Chí Minh, với một cộng đồng khởi nghiệp phát triển nhộn nhịp, được cung cấp nhiều nguồn lực, sự hỗ trợ và một môi trường thích hợp để sinh viên tiếp cận các chương trình đào tạo, sự kiện, hội thảo và các hoạt động khởi nghiệp xanh khác. Sinh viên chủ động có thể tận dụng những cơ hội này để trau dồi kiến thức và kỹ năng cần thiết cho việc khởi nghiệp xanh.

### 3.4.2. Sự tự tin vào năng lực của bản thân

Sự tự tin vào năng lực bản thân cho kết quả tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp xanh với hệ số chuẩn hoá  $\beta = 0,153$ . Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước đó (Fuller và cộng sự, 2018; Doanh và Bernat, 2019; Nowinski và cộng sự, 2019; Hsu và cộng sự, 2019; Shi và cộng sự, 2019; Qazi và cộng sự, 2020; Wang và cộng sự, 2023). Các nghiên cứu trước đó đã khẳng định ảnh hưởng của yếu tố tự tin vào năng lực bản thân trong sự phát triển tinh thần khởi nghiệp xanh thông qua ý định và hành vi. Ngoài ra, có thể kết luận rằng những sinh viên có sự tự tin cao hơn có xu hướng đạt được mục tiêu và do đó có động lực áp dụng những phương thức khác biệt để đạt được thành công.

Trên thực tế tình hình Việt Nam, chính phủ Việt Nam đã thành lập một số quỹ ở các cấp độ khác nhau để hỗ trợ các doanh nghiệp

khởi nghiệp và thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, bao gồm quỹ SpeedUP do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh khởi xướng, nền tảng trực tuyến Startupecity.vn, Chương trình Đối tác Đổi mới Việt Nam – Phần Lan, Quỹ Đổi mới Công nghệ Quốc gia (NATIF). Hơn nữa, các tổ chức quốc tế như Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ USAID đang đóng góp cho hệ sinh thái khởi nghiệp của Việt Nam thông qua nhiều chương trình khác nhau. Thành phố Hồ Chí Minh có một cộng đồng khởi nghiệp đa dạng và năng động, nơi sinh viên có thể tìm kiếm nguồn lực, chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác. Sự tự tin vào năng lực bản thân giúp sinh viên tạo dựng mối quan hệ và kết nối với các nhà đầu tư, nhà tài trợ, chuyên gia và các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực, từ đó tìm kiếm cơ hội, xây dựng và phát triển ý tưởng khởi nghiệp xanh của mình.

### 3.4.3. Mức độ ngại rủi ro

Kết quả thu được cho thấy mức độ ngại rủi ro có tác động ngược chiều đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên với hệ số chuẩn hoá  $\beta = -0,264$ . Kết luận này giống với nghiên cứu của Qazi và cộng sự (2020), Zhang và Cain, (2017). Điều này có thể được giải thích rằng khi sinh viên lo ngại rủi ro họ không đi tìm cái gì đó mới mà thích đi theo các phương pháp truyền thống và an toàn. Do đó, yếu tố rủi ro làm giảm ý định khởi nghiệp xanh vì trong điều kiện kinh tế hiện nay, việc thành lập doanh nghiệp mới rất khó khăn.

Tỷ lệ thất bại trong khởi nghiệp có thể cao, và việc không thành công có thể gây tổn thất tài chính và tinh thần đáng kể. Sự lo ngại về khả năng thất bại có thể làm suy yếu ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên, khi họ không muốn đối mặt với rủi ro và áp lực mà khởi nghiệp mang lại (Salmony và Kanbach, 2021). Thực tiễn bối cảnh kinh tế khủng hoảng như hiện nay, các doanh nghiệp phải đối mặt với rất nhiều thách thức để duy trì

hoạt động, điều này làm cản bước các ý định thành lập doanh nghiệp mới của thế hệ tiếp theo vì tiềm ẩn nhiều rủi ro, vậy nên kết quả thu được có thể hoàn toàn hiểu được trong bối cảnh nghiên cứu tình hình kinh tế Việt Nam hiện tại.

#### 3.4.4. Nhu cầu đạt thành tích

Nhu cầu đạt thành tích được kết luận rằng có mối quan hệ tích cực với ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên trên địa bàn TP.HCM với hệ số chuẩn hoá  $\beta = 0,124$ . Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước đó (Elali và Al-Yacoub, 2016; Karabulut, 2016; Çolakoglu và Gozukara, 2016; Chaudhary, 2017; Matlay, 2019; Qazi và cộng sự, 2020). Nhu cầu đạt được thành tích là một đặc điểm trong đó cá nhân mong muốn làm điều gì đó tốt hơn hoặc hiệu quả hơn những gì đã có trước đây. Ngoài ra, mức độ nhu cầu về thành tích sẽ khiến ai đó có thể vượt qua mọi trở ngại, tạo ra công việc chất lượng cao và cạnh tranh để trở thành người giỏi nhất. Do đó, theo kết quả, những sinh viên đam mê đạt được thành công có ý định khởi nghiệp cao (Qazi và cộng sự, 2020).

Tương tự, những người mong muốn đạt được thành công được khuyến khích khởi nghiệp xanh ở mức độ cao hơn vì họ tin rằng bằng việc đón đầu những cơ hội mới, những thách thức của thời đại sẽ giúp họ thành công. Ngoài ra, mọi người sẽ khuyến khích và công nhận những nỗ lực đó và đây sẽ là động lực giúp sinh viên tại TP.HCM theo đuổi con đường sự nghiệp này.

#### 3.4.5. Sự hỗ trợ từ trường đại học

Kết quả nghiên cứu cho thấy Sự hỗ trợ từ trường đại học có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên. Kết quả của các nghiên cứu trước đó của Liguori và cộng sự (2019), Asante và Affum-Osei (2019), Yi (2020), Qazi và cộng sự (2020), Anghel (2022), Alidan và cộng sự (2022)

cũng có kết quả tương đương với nghiên cứu này. Mối quan hệ này được hiểu rằng nếu các cơ sở giáo dục mong muốn giảng dạy cho sinh viên về doanh nghiệp xanh và muốn họ hướng tới khởi nghiệp xanh, thì điều quan trọng là phải hỗ trợ họ. Điều đó có nghĩa là khi các tổ chức giáo dục hỗ trợ sinh viên của họ và thúc đẩy môi trường xanh thì cuối cùng, sinh viên sẽ có nhiều khả năng cao hơn trong việc hình thành các ý định kinh doanh xanh. Trong nghiên cứu hiện tại, hỗ trợ khởi nghiệp xanh của trường đại học được cho là yếu tố dự báo mạnh nhất với hệ số chuẩn hoá  $\beta = 0,284$ .

Một số trường Đại học tại thành phố Hồ Chí Minh đã phát triển các chương trình giảng dạy và khóa học liên quan đến khởi nghiệp xanh. Các khóa học này có thể bao gồm quản lý môi trường, kinh doanh xanh, công nghệ xanh, quy trình khởi nghiệp và phát triển bền vững. Sinh viên khi có cơ hội tham dự những khóa học này sẽ được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần có, điều này giúp thúc đẩy sinh viên hình thành ý định khởi nghiệp xanh.

#### 3.4.6. Môi trường khởi nghiệp xanh

Với hệ số chuẩn hoá  $\beta = 0,107$ , môi trường khởi nghiệp xanh được đánh giá là có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên. Kết quả này thống nhất với một số tác giả cho rằng yếu tố môi trường khởi nghiệp xanh có tác động thuận chiều với ý định khởi nghiệp xanh (Ambad và Damit, 2016; Mai Thanh Lan và cộng sự, 2023).

Việt Nam đã có chính sách và quy định về khởi nghiệp xanh. Ví dụ, Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (được biết đến như Đề án 844) về hỗ trợ và thúc đẩy khởi nghiệp nhằm đến việc thiết lập môi trường thuận lợi hơn cho doanh nghiệp khởi nghiệp xanh. Các quy định này bao gồm hỗ trợ tài chính, giảm thuế, miễn lệ phí và quyền sở hữu trí tuệ.

Về khía cạnh hỗ trợ tài chính, Chính phủ và các tổ chức tài trợ đã cung cấp các chương trình tài trợ cho khởi nghiệp xanh. Ví dụ, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) cung cấp hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu và phát triển công nghệ xanh. Ngoài ra, các chương trình vay vốn, quỹ đầu tư, và các chương trình khác nhằm tài trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp xanh.

Khởi nghiệp xanh ngoài ra cũng nhận được một mức độ quan tâm nhất định của cộng đồng. Sự quan tâm đến khởi nghiệp xanh đang gia tăng trong cộng đồng kinh doanh và xã hội tại Việt Nam. Về sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, lĩnh vực khởi nghiệp xanh đang trở nên cạnh tranh với sự quan tâm ngày càng tăng về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, nhiều doanh nghiệp đang tham gia vào lĩnh vực này. Điều này tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh, đẩy mạnh sự đổi mới và phát triển, tạo động lực cho nhiều cá nhân gia tăng ý định khởi nghiệp xanh.

## **4. Một số khuyến nghị**

### **4.1. Sự chủ động**

Trong thời đại công nghệ 4.0, trí tuệ nhân tạo đã có khả năng giúp con người thực hiện hầu hết các công việc, xu hướng thông tin được cập nhật nhanh chóng, mỗi cá nhân đều phải có những hành động và năng lực tư duy vượt trội để theo kịp thời đại. Trong đó, phát huy tốt tính chủ động trong học tập và làm việc giúp nâng cao năng lực nhận thức và linh hoạt áp dụng kiến thức sẵn có để đối mặt với các thách thức. Theo kết quả, sự chủ động có tác động đến ý định khởi nghiệp xanh của sinh viên thành phố Hồ Chí Minh với mức độ lớn thứ ba trong các biến độc lập của mô hình nghiên cứu. Vì thế, cần có những khuyến nghị đề xuất nhằm khuyến khích, thúc đẩy đặc điểm tính cách này để nâng cao tinh thần khởi nghiệp xanh.

Đối với các cơ sở giáo dục đại học, cần tạo nhiều không gian phát triển để sinh viên có thể tự nhìn thấy cơ hội và nắm bắt, từ đó chủ động sáng tạo những cách giải quyết vấn đề, không đi theo lối mòn. Cụ thể hơn, trong các chương trình giảng dạy, nên triển khai áp dụng phương pháp học tập lấy người học làm trọng tâm, tạo nhiều cơ hội cho sinh viên ở vai trò chủ động trong giải quyết tình huống thực tế điển hình dựa trên các nền tảng lý thuyết đã được học. Tiếp theo, cải tiến thiết bị hỗ trợ việc tự học và tìm hiểu thêm kiến thức của sinh viên như: hệ thống tư liệu tham khảo, thư viện, phòng tự học, kết nối Internet,....

Bên cạnh đó, bản thân sinh viên cũng cần cải thiện điều chỉnh thái độ bị động đối với những bài học, kiến thức mới hoặc khi gặp các tình huống cần giải quyết vấn đề trong học tập và cuộc sống. Cụ thể, tu dưỡng tư duy làm chủ công việc của bản thân, rèn luyện tính xông xáo, hăng hái trong giải quyết tình huống bằng cách vận dụng những phương thức mới để đạt được mục tiêu mong muốn. Hơn nữa, luôn luôn tìm kiếm các cơ hội và không gian phát triển, để từ đó nhìn nhận và đánh giá vấn đề nhanh chóng và sớm có những sáng kiến để xử lý tình huống tốt hơn.

### **4.2. Sự tin tưởng vào năng lực khởi nghiệp của bản thân**

Đối với cơ sở giáo dục: (1) hỗ trợ tổ chức, tuyên truyền các cuộc thi về chủ đề khởi nghiệp xanh trong cộng đồng sinh viên để sinh viên có cơ hội va chạm, thử sức và tự tin rằng mình có thể nghĩ ra các ý tưởng mới về một sản phẩm hay dịch vụ có ý nghĩa đối với môi trường mà vẫn đáp ứng được thị hiếu của người tiêu dùng. (2) phổ biến và triển khai rộng rãi các chương trình đào tạo nâng cao năng lực khởi nghiệp. Chương trình truyền cảm hứng, cung cấp kiến thức, kỹ năng; tạo điều kiện để sinh viên hình thành, phát triển các ý tưởng, dự án khởi nghiệp ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường và sau khi tốt nghiệp.

### 4.3. Năng lực

Các cơ sở giáo dục và tổ chức khuyến khích khởi nghiệp: (1) giới thiệu, đào tạo kiến thức về mô hình Khởi nghiệp tinh gọn. Phương pháp này có thể giúp quản lý rủi ro bằng cách cho phép nhà khởi nghiệp kiểm tra các giả định của mình, và thích ứng với các điều kiện thay đổi, quá trình đánh giá hoạt động kinh doanh được kiểm chứng thông qua việc học hỏi từ nhu cầu và phản hồi trực tiếp từ khách hàng. Phương pháp này giúp giảm thiểu nhiều các rủi ro, dù có sai cũng không tốn quá nhiều thời gian và công sức với một sản phẩm có tính khả dụng kém và hoàn toàn có thể phát triển sản phẩm sau nhiều lần kiểm nghiệm. Áp dụng phương pháp này không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro mà còn giúp tiết kiệm thời gian và tài chính bằng cách tránh tạo ra những sản phẩm hoặc dịch vụ mà không ai muốn hoặc không cần. (2) cần có kế hoạch đào tạo, bổ sung lực lượng nhân sự công nghệ có chất lượng để làm cơ sở và nền tảng nguồn lực lý tưởng cho ý định khởi nghiệp xanh. Cụ thể, tạo thêm môi trường thi đấu, triển lãm, kết nối với các nhà đầu tư và nguồn lực nước ngoài. Những gì trường học có thể làm là phối hợp cùng những công ty khởi nghiệp để thiết lập một môi trường hỗ trợ sinh viên tiếp thu và học hỏi kiến thức thực tế, cũng như cho phép sinh viên tương tác và quan sát thế giới doanh nghiệp để xác định liệu bản thân có phù hợp để khởi nghiệp kinh doanh.

### 4.4. Nhu cầu đạt thành tích

Đối với sinh viên: (1) cần thiết đặt ra mục tiêu học tập và làm việc, làm cơ sở cho việc liên tục cập nhật kiến thức và đạt được thành tựu mới. Mỗi cá nhân cần đặt ra cho bản thân những mục tiêu, lý tưởng nhất định, từ đó, làm tiền đề phát triển năng lực của bản thân, không ngừng học hỏi để thực hiện những mục tiêu đó. Sinh viên nên đặt ra mục tiêu rõ ràng và cụ thể về những thành tích muốn đạt được nhưng cũng phải đảm bảo rằng những mục

tiêu đó cũng khả thi và có thể đo lường được. (2) sinh viên nên rèn luyện và thúc đẩy tinh thần kiên trì theo đuổi, hoàn thành những mục tiêu đã đặt ra bằng những kế hoạch và hành động cụ thể. Tiếp theo, sinh viên định kỳ đánh giá tiến trình và kết quả đã đạt được nhằm cải thiện phương pháp học tập và điều chỉnh kế hoạch nếu cần thiết. (3) sinh viên cần năng nổ hơn trong hoạt động hội thảo, cuộc thi về chủ đề liên quan để khám phá, thử sức với những lĩnh vực mới, từ đó xác định điểm mạnh, điểm yếu của bản thân nhằm nắm bắt tốt các cơ hội, không ngừng khai phá thêm các tiềm năng.

Đối với nhà trường và các tổ chức khuyến khích khởi nghiệp, cần tạo ra động lực cho sinh viên phấn đấu và thể hiện bản thân. Cụ thể, tổ chức các cuộc thi để đánh giá năng lực, tạo dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy sinh viên tham dự. Đặc biệt, đánh giá, khen thưởng kịp thời những thành tích của sinh viên, giúp họ cảm thấy được ghi nhận và động viên.

### 4.5. Sự hỗ trợ từ trường đại học

*Thứ nhất*, các trường đại học và tổ chức nên thiết lập nền tảng đào tạo chú trọng đến tinh thần khởi nghiệp xanh. Cụ thể, nên bổ sung các môn học liên quan đến các khía cạnh về khởi nghiệp xanh. Hệ thống giáo dục về chủ đề này nên chú trọng hơn đến việc thúc đẩy ý định khởi nghiệp xanh thông qua bài học thực hành, giảng dạy các kiến thức khởi nghiệp xanh thực tế trong các chuyên ngành kinh doanh của trường đại học và các buổi đào tạo từ doanh nghiệp thực tế. Theo đó, sinh viên được trải nghiệm trực tiếp về việc thành lập một doanh nghiệp xanh. Trải nghiệm này bao gồm tất cả các giai đoạn thiết yếu của quá trình thành lập doanh nghiệp, chẳng hạn như thành lập nhóm, huy động vốn cho hoạt động kinh doanh mạo hiểm, nghiên cứu và phát triển sản phẩm cho đến giai đoạn cuối cùng là khởi động chiến lược khởi

ngành xanh. Các hoạt động nói trên có khả năng cải thiện kỹ năng của sinh viên về khởi nghiệp xanh khi họ áp dụng các kiến thức lý thuyết đã học. Ngoài ra, các trường đại học nên thành lập vườn ươm khởi nghiệp xanh cho sinh viên đăng ký và thực hiện ý tưởng kinh doanh ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Tiếp theo, có thể triển khai các chương trình phổ biến cho sinh viên biết nghĩa vụ pháp lý, quyền tài sản, đàm phán kinh doanh và quy trình đăng ký và quản lý khởi nghiệp kinh doanh hợp pháp nhằm tạo dựng nền tảng kiến thức và kỹ năng vững chắc hơn cho sinh viên.

*Thứ hai*, trường đại học cũng có thể hỗ trợ tài chính cho sinh viên; ví dụ, các cơ sở đại học có thể lập một phòng ban có thể chịu trách nhiệm duy nhất về việc hỗ trợ tài chính cho sinh viên. Hơn nữa, các trường đại học có thể đề xuất một khoản vay cho sinh viên để khởi nghiệp. Việc trường đại học cung cấp nguồn lực khởi nghiệp sẽ đẩy nhanh và tăng cường quá trình ươm tạo các dự án khởi nghiệp xanh của sinh viên.

*Thứ ba* là khuyến khích và tạo động lực. Sự hỗ trợ từ trường đại học cũng có thể bao gồm các chương trình, cuộc thi và sự kiện khởi nghiệp xanh. Những hoạt động này khuyến khích sinh viên tham gia và phát triển ý tưởng khởi nghiệp xanh của mình. Ngoài ra, sự tham gia vào cộng đồng khởi nghiệp xanh trường học cũng tạo ra một môi trường động lực và cung cấp sự hỗ trợ từ các sinh viên khác có cùng mục tiêu.

#### **4.6. Môi trường khởi nghiệp xanh**

Nhà nước cùng các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp cần có những chiến lược phù hợp ủng

hộ những sinh viên quan tâm đến việc khởi nghiệp kinh doanh xanh, tạo dựng môi trường thuận lợi hơn để thúc đẩy ý định khởi nghiệp xanh trong cộng đồng sinh viên.

Hơn nữa, nhà nước, các cơ quan chức năng cần tạo ra các hành lang pháp lý hỗ trợ khởi nghiệp xanh. Cụ thể, xem xét ban hành các hỗ trợ về mặt pháp lý cho doanh nghiệp khởi nghiệp xanh để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự thành lập và phát triển các doanh nghiệp xanh.

Ngoài ra, có thể thành lập môi trường để các doanh nghiệp khởi nghiệp triển khai các hoạt động thử nghiệm: ứng dụng công nghệ, mô hình kinh doanh mới trên thị trường (được gọi là sandbox). Rất nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã ra nước ngoài đăng ký như sang Malaysia, Singapore, Malta, Hongkong hay nhiều nước khác ở châu Âu. Lý do đơn giản là sự sẵn sàng của hệ thống pháp luật nước sở tại. Ở nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ đã thiết lập cơ chế Regulatory sandbox để tạo không gian cho đổi mới sáng tạo được thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ hay mô hình mới của mình. Sự ảnh hưởng xã hội, kinh tế ngày càng tăng từ các cộng đồng khởi nghiệp với quy mô vốn hóa và ảnh hưởng dân chúng, đòi hỏi sự tham gia ngay của chính phủ.

Sự thành công từ Anh Quốc, Thụy Sĩ, Trung Quốc, Hà Lan, Abu Dhabi, Malaysia, Hongkong, Úc, Canada, Singapore, Brazil,... với hơn 50 quốc gia đã và đang phát triển cơ chế thử nghiệm sandbox cho thấy, để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, giảm hoặc bỏ các rào cản pháp lý, hay tạo mới quy định phù hợp thì Sandbox là một hướng đi cần thiết và phù hợp.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Ambad, S. N. A., & Damit, D. H. D. A. (2016). Determinants of entrepreneurial intention among undergraduate students in Malaysia. *Procedia economics and finance*, 37, 108-114. [https://doi.org/10.1016/S2212-5671\(16\)30100-9](https://doi.org/10.1016/S2212-5671(16)30100-9).

- Anghel, G. A., & Anghel, M. A. (2022). Green entrepreneurship among students—social and behavioral motivation. *Sustainability*, 14(14), 8730.
- Asante, E. A., & Affum-Osei, E. (2019). Entrepreneurship as a career choice: The impact of locus of control on aspiring entrepreneurs' opportunity recognition. *Journal of Business Research*, 98, 227-235.
- Bandura, A. (1986). Social foundations of thought and action. *Englewood Cliffs, NJ, 1986*(23-28), 2.
- Bhardwaj, B. R. (2014). Impact of education and training on performance of women entrepreneurs: A study in emerging market context. *Journal of entrepreneurship in emerging economies*, 6(1), 38-52.
- Brandstätter, H. (2011). Personality aspects of entrepreneurship: A look at five meta-analyses. *Personality and individual differences*, 51(3), 222-230.
- Chaudhary, R. (2017). Demographic factors, personality and entrepreneurial inclination: A study among Indian university students. *Education+ Training*, 59(2), 171-187.
- Chen, D. M., Tucker, B., Badami, M. G., Ramankutty, N., & Rhemtulla, J. M. (2016). A multi-dimensional metric for facilitating sustainable food choices in campus cafeterias. *Journal of Cleaner Production*, 135, 1351-1362.
- Çolakoğlu, N., & Gözükar, İ. (2016). A comparison study on personality traits based on the attitudes of university students toward entrepreneurship. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 229, 133-140.
- Doanh, D. C., & Bernat, T. (2019). Entrepreneurial self-efficacy and intention among Vietnamese students: A meta-analytic path analysis based on the theory of planned behavior. *Procedia Computer Science*, 159, 2447-2460.
- Elali, W., & Al-Yacoub, B. (2016). Factors affecting entrepreneurial intentions among Kuwaitis. *World Journal of Entrepreneurship, Management and Sustainable Development*, 12(1), 18-34.
- Findler, F., Schönherr, N., Lozano, R., Reider, D., & Martinuzzi, A. (2019). The impacts of higher education institutions on sustainable development: A review and conceptualization. *International Journal of Sustainability in Higher Education*, 20(1), 23-38.
- Fishbein, M., & Ajzen, I. (1975). *Beliefs, attitude, intention, and behavior: An introduction to theory and research*. Elsevier Science Publishing Company, New York.
- Fuller, B., Liu, Y., Bajaba, S., Marler, L. E., & Pratt, J. (2018). Examining how the personality, self-efficacy, and anticipatory cognitions of potential entrepreneurs shape their entrepreneurial intentions. *Personality and Individual Differences*, 125, 120-125.
- Mai Thanh Lan, Đinh Thị Hương, và Bùi Thị Thu Hà. (2023). Yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp xanh, lợi thế cạnh tranh xanh và phát triển bền vững của giới trẻ Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Thương mại*, 174, 47-61.
- Qazi, A., Naseer, K., Qazi, J., AlSalman, H., Naseem, U., Yang, S., ... & Gumaei, A. (2020). Conventional to online education during COVID-19 pandemic: Do develop and underdeveloped nations cope alike. *Children and youth services review*, 119, 105582.
- Gibbs, D., & O'Neill, K. (2014). Rethinking sociotechnical transitions and green entrepreneurship: the potential for transformative change in the green building sector. *Environment and Planning A*, 46(5), 1088-1107. <https://doi.org/10.1068/a46259>.

- Gupta, M., & Dharwal, M. (2022). Green entrepreneurship and sustainable development: A conceptual framework. *Materials Today: Proceedings*, 49, 3603-3606.
- Hair, J. F. J., Anderson, R. E., Tatham, R. L., & Black, W. C. (1998). *Multivariate Data Analysis*. New Jersey: Prentice Hall.
- Hamböck, C., Hopp, C., Keles, C., & Vetschera, R. (2017). Risk aversion in entrepreneurship panels: Measurement problems and alternative explanations. *Managerial and Decision Economics*, 38(7), 1046-1057.
- Hsu, D. K., Burmeister-Lamp, K., Simmons, S. A., Foo, M. D., Hong, M. C., & Pipes, J. D. (2019). "I know I can, but I don't fit": Perceived fit, self-efficacy, and entrepreneurial intention. *Journal of business venturing*, 34(2), 311-326.
- Karabulut, A. T. (2016). Personality traits on entrepreneurial intention. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 229, 12-21.
- Klofsten, M., Fayolle, A., Guerrero, M., Mian, S., Urbano, D., & Wright, M. (2019). The entrepreneurial university as driver for economic growth and social change-Key strategic challenges. *Technological Forecasting and Social Change*, 141, 149-158.
- Kohoutek, J., Pinheiro, R., Čábelková, I., & Šmídová, M. (2017). The role of higher education in the socio-economic development of peripheral regions. *Higher Education Policy*, 30, 401-403. doi:10.1057/s41307-017-0068-2.
- Krueger Jr, N. F., Reilly, M. D., & Carsrud, A. L. (2000). Competing models of entrepreneurial intentions. *Journal of Business Venturing*, 15(5-6), 411-432.
- Lotfi, M., Yousefi, A., & Jafari, S. (2018). The effect of emerging green market on green entrepreneurship and sustainable development in knowledge-based companies. *Sustainability*, 10(7), 2308. doi:10.3390/su10072308.
- Matlay, H. (2019). The future of enterprise and entrepreneurship education. *Education+ Training*, 61(7/8), 778-780.
- Munir, H., Jianfeng, C., & Ramzan, S. (2019). Personality traits and theory of planned behavior comparison of entrepreneurial intentions between an emerging economy and a developing country. *International Journal of Entrepreneurial Behavior & Research*, 25(3), 554-580.
- Mustafa, M. J., Hernandez, E., Mahon, C., & Chee, L. K. (2016). Entrepreneurial intentions of university students in an emerging economy: The influence of university support and proactive personality on students' entrepreneurial intention. *Journal of Entrepreneurship in Emerging Economies*, 8(2), 162-179.
- Neneh, B. N. (2019). From entrepreneurial intentions to behavior: The role of anticipated regret and proactive personality. *Journal of Vocational Behavior*, 112, 311-324.
- Nowiński, W., Haddoud, M. Y., Lančarič, D., Egerová, D., & Czeglédi, C. (2019). The impact of entrepreneurship education, entrepreneurial self-efficacy and gender on entrepreneurial intentions of university students in the Visegrad countries. *Studies in Higher Education*, 44(2), 361-379.
- Oliver, J. J., & Velji, N. (2019). Are entrepreneurs becoming more risk averse?. *Strategic Direction*, 35(1), 1-2.
- Prabhu, V. P., McGuire, S. J., Drost, E. A., & Kwong, K. K. (2012). Proactive personality and entrepreneurial intent: is entrepreneurial self-efficacy a mediator or moderator?. *International Journal of Entrepreneurial Behavior & Research*, 18(5), 559-586.

- Richomme-Huet, K., & De Freyman, J. (2013). What sustainable entrepreneurship looks like: An exploratory study from a student perspective. In *Social entrepreneurship: Leveraging economic, political, and cultural dimensions* (pp. 155-177). Cham: Springer International Publishing. [https://doi.org/10.1007/978-3-319-01396-1\\_7](https://doi.org/10.1007/978-3-319-01396-1_7).
- Riepe, J., Rudeloff, M., & Veer, T. (2022). Financial literacy and entrepreneurial risk aversion. *Journal of Small Business Management*, 60(2), 289-308.
- Saeed, S., Yousafzai, S. Y., Yani-De-Soriano, M., & Muffatto, M. (2015). The Role of Perceived University Support in the Formation of Students' Entrepreneurial Intention. *Journal of Small Business Management*, 53(4), 1127-1145.
- Salmony, F. U., & Kanbach, D. K. (2022). Personality trait differences across types of entrepreneurs: a systematic literature review. *Review of managerial science*, 16(3), 713-749. <https://doi.org/10.1007/s11846-021-00466-9>.
- Shabeeb Ali, M. A., Ammer, M. A., & Elshaer, I. A. (2023). Born to be green: antecedents of green entrepreneurship intentions among higher education students. *Sustainability*, 15(8), 6668. doi:10.3390/su15086668.
- Shapiro A. & Sokol L. (1982). The social dimensions of entrepreneurship. In C.A. Kent, D.L. Sexton, & K.H. Vesper (eds.), *Encyclopedia of Entrepreneurship*, 72–90. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
- Shi, L., Yao, X., & Wu, W. (2019). Perceived university support, entrepreneurial self-efficacy, heterogeneous entrepreneurial intentions in entrepreneurship education: The moderating role of the Chinese sense of face. *Journal of Entrepreneurship in Emerging Economies*, 12(2), 205-230.
- Thurston, M., & Eckelman, M. J. (2011). Assessing greenhouse gas emissions from university purchases. *International Journal of Sustainability in Higher Education*, 12(3), 225-235.
- Trevelyan, R. (2009). Entrepreneurial attitudes and action in new venture development. *The International Journal of Entrepreneurship and Innovation*, 10(1), 21-32.
- Wang, J. H., Chang, C. C., Yao, S. N., & Liang, C. (2016). The contribution of self-efficacy to the relationship between personality traits and entrepreneurial intention. *Higher Education*, 72, 209-224.
- Xu, Y., Du, J., Khan, M. A. S., Jin, S., Altaf, M., Anwar, F., & Sharif, I. (2022). Effects of subjective norms and environmental mechanism on green purchase behavior: An extended model of theory of planned behavior. *Frontiers in Environmental Science*, 10, 779629.
- Yahua, Q. (2011). *Interstate Fiscal Disparities in America*. New York and London: Routledge.
- Yi, G. (2021). From green entrepreneurial intentions to green entrepreneurial behaviors: The role of university entrepreneurial support and external institutional support. *International entrepreneurship and management journal*, 17(2), 963-979. doi:10.1007/s11365-020-00649-y.
- Zhang, P., & Cain, K. W. (2017). Reassessing the link between risk aversion and entrepreneurial intention: The mediating role of the determinants of planned behavior. *International Journal of Entrepreneurial Behavior & Research*, 23(5), 793-811.
- Zisser, M. R., Johnson, S. L., Freeman, M. A., & Staudenmaier, P. J. (2019). The relationship between entrepreneurial intent, gender and personality. *Gender in Management: An International Journal*, 34(8), 665-684.